

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 115/2024/TLST- Việc HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” của:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh **Bùi Ngọc T**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: **Ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.**

2. Chị **Đoàn Thị T1**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: **Ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ việc hôn nhân gia đình và căn cứ vào kết quả hòa giải đoàn tụ không thành ngày 13 tháng 6 năm 2024, Tòa án xác định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh **Bùi Ngọc T** và chị **Đoàn Thị T1** tự tìm hiểu, quen biết rồi tiến đến hôn nhân. Anh, chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang vào ngày 19 tháng 3 năm 2021 theo giấy chứng nhận kết hôn số 24. Như vậy, hôn nhân giữa anh, chị là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình sống chung anh **T** và chị **T1** đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, bất đồng về quan điểm về lối sống dẫn đến đời sống vợ chồng không thể kéo dài. Dù đã được gia đình, người thân khuyên nhủ, hàn gắn nhưng tình hình không có chuyển biến mà ngày càng trầm trọng hơn. Hiện anh chị đã ly thân, không quan tâm đến nhau.

Tại đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, anh **T** và chị **T1** yêu cầu Tòa án công nhận anh, chị thuận tình ly hôn và công nhận sự thỏa thuận cho anh, chị về người trực tiếp nuôi con chung. Sau khi Tòa án thụ lý việc hôn nhân và gia đình vào ngày 06 tháng 6 năm 2024, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn, đoàn tụ cho anh, chị nhưng kết quả đoàn tụ không thành vào ngày 13 tháng 6 năm 2024. Sau thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành giữa các đương sự, anh **T** và chị **T1** cũng không có thay đổi ý kiến gì khác. Như vậy tình cảm vợ chồng giữa anh, chị đã không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh, chị yêu cầu Tòa án công nhận cho anh, chị thuận tình ly hôn là phù hợp.

[2]. *Về con chung*: Quá trình sống chung, anh **T** và chị **T1** có 01 con chung là cháu Bùi Ngọc Như Ý, sinh ngày 24/10/2021. Khi ly hôn, anh **T2** và chị **T1** thống nhất giao cháu Bùi Ngọc Như Ý cho chị **T1** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh **T** có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh **T** và chị **T1** thống nhất anh **T** tự nguyện cấp dưỡng cho cháu Bùi Ngọc Như Ý với mức cấp dưỡng là 10.000.000 đồng/tháng. Thực hiện cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 15/6/2024 cho đến khi cháu **Ý1** đủ 18 tuổi và có khả năng lao động được.

Xét thấy, việc thỏa thuận người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con của anh, chị là phù hợp với pháp luật, không trái với đạo đức xã hội, đảm bảo quyền lợi của các bên, nên được ghi nhận.

[3]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh **T** và chị **T1** khẳng định không có tài sản chung và không có nợ chung.

[4]. Về lệ phí Tòa án: Thạch và chị **T1** tự nguyện chịu.

[5]. Sau khi nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của **T** và chị **T1**, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý việc hôn nhân và gia đình và đã tiến hành hòa giải để anh, chị hàn gắn, đoàn tụ nhưng hòa giải đoàn tụ không thành vào ngày 13 tháng 6 năm 2024 và xét thấy hai bên đã thực sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn diện vụ, việc.

[6]. Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 6 năm

2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh **Bùi Ngọc T** và chị **Đoàn Thị T1**.
2. Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, cụ thể:
 - 2.1. Về con chung: Giao 01 con chung giữa **T** và chị **T1** là cháu Bùi Ngọc Như Ý, sinh ngày 24/10/2021 cho chị **Đoàn Thị T1** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh **Bùi Ngọc T** có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh **Bùi Ngọc T** tự nguyện cấp dưỡng cho cháu Bùi Ngọc Như Ý với mức cấp dưỡng là 10.000.000 đồng/tháng. Thực hiện cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 15/6/2024 cho đến khi cháu Ý đủ 18 tuổi và có khả năng lao động được.
 - Kể từ ngày chị **Đoàn Thị T1** có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh **Bùi Ngọc T** chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải chịu lãi trên số tiền chậm thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự tại thời điểm thanh toán.
 - 2.2. Anh **Bùi Ngọc T** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Tuy nhiên, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.
 - 2.3. Chị **Đoàn Thị T1** cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.
3. Về lệ phí Tòa án: Anh **Bùi Ngọc T** tự nguyện chịu 150.000 lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; chị **Đoàn Thị T1** tự nguyện chịu 150.000 lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh **T**, chị **T1** đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003409 ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước. Xem như anh, chị đã hoàn thành xong nghĩa vụ chịu lệ phí Tòa án.
4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.
5. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- + Anh Bùi Ngọc Thạch;
- + Chị Đoàn Thị Thiện.
- TAND T. Tiền Giang;
- VKSND. H. Tân Phước;
- Chi cục thi hành án dân sự H. Tân Phước;
- Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa Thành;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

Thạch Hải Âu